

Bản án số: 39/2019/HC-PT

Ngày : 09/8/2019

v/v khiếu kiện quyết định giải quyết
khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất
đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo.

Các thẩm phán:

1. Bà Mai Vân Anh.

2. Bà Nguyễn Thị Kiều Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Việt Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 06, 09 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 29/2019/TLPT-HC ngày 20/5/2019 về việc khiếu kiện yêu cầu hủy Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 17/1/2014 của Chủ tịch UBND xã T V, Quyết định số 2652/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 của Chủ tịch UBND M L.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 27/3/2019 của Tòa án nhân dân M L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 49/2019/QĐPT-HC ngày 03/06/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 56/QĐHPT-HC ngày 16/6/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 58/QĐHPT-HC ngày 22/7/2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Võ V L, sinh năm 1936.

Trú tại: Thôn Đông Cao, xã T V, M L, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Võ V N, sinh năm 1966 là người đại diện theo ủy quyền của ông Võ V L (Giấy ủy quyền số công chứng 1299/2019/GUQ, quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/7/2019 tại Văn phòng công chứng Phạm Thiện). (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Vũ Văn Lợi, luật sư Nguyễn Đình Quyết – Công ty luật TNHH Hòa Lợi thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. (Có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1 Chủ tịch UBND M L, Hà Nội.

Địa chỉ: Khu trung tâm hành chính huyện, xã Đại Thịnh, M L, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Thanh Hoài, chức vụ: Phó chủ tịch UBND M L là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện. (Giấy ủy quyền tham gia tố tụng số 37/GUQ-UBND ngày 18/11/2016). (Có đơn xin vắng mặt)

2.2 Chủ tịch UBND xã T V, M L.

Địa chỉ: Xã T V, M L, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Văn Khang, chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã T V. (Giấy ủy quyền ngày 15/12/2016, số chứng thực 27 quyền số 01-SCT/CK,ĐC). (Có đơn xin vắng mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Võ V T, sinh năm 1960.

Trú tại: Thôn Đông Cao, xã T V, M L, Thành phố Hà Nội. (Có mặt)

3.2 Ông Võ V N, sinh năm 1966.

Trú tại: Thôn Đông Cao, xã T V, M L, Thành phố Hà Nội. (Có mặt).

4. Người làm chứng:

Bà Đặng Thị Vui, sinh năm 1954.

Trú tại: Thôn Đông Cao, xã T V, M L, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện ông Võ V L trình bày:

Năm 1966, gia đình ông mua của ông Đỗ Văn Thiện 01 thửa đất diện tích 03 sào (tương đương 1.080m²) do gia đình ông Thiện di cư lên Bình Xuyên, Vĩnh Phúc. Khi mua bán, hai bên có viết giấy tờ cho nhau nhưng không thông qua chính

quyền địa phương, hai bên có chỉ mốc giới cho nhau 4 góc đất là những bụi tre. Sau khi mua đất, gia đình ông chuyển tới ở từ đó cho đến nay. Năm 1997, gia đình ông tiếp tục mua của bà Lương Thị Hoạt và anh Đỗ Văn Tuấn (con trai bà Hoạt) 01 thửa đất ao liền kề diện tích 180m². Quá trình mua bán chuyển nhượng, hai bên có viết giấy tờ cho nhau nhưng không thông qua chính quyền địa phương. Sau khi mua bán đất của ông Thiện và bà Hoạt tổng diện tích đất của gia đình ông là 1.260m². Hàng năm ông vẫn đóng thuế cho nhà nước, thu bao nhiêu thì ông đóng bấy nhiêu. Năm 1974, HTX có mở đường xóm, gia đình ông tự nguyện hiến 63m² làm đường, cắt 2m chiều sâu và 31,5m chiều dài không có đền bù gì. Do vậy gia đình ông còn lại là 1.197m² (tính cả diện tích 180m² mua của bà Hoạt sau này).

Năm 2001, gia đình bà Đặng Thị Vui tố cáo gia đình ông lấn chiếm lối đi của gia đình bà Vui. UBND xã T V giải quyết và kiểm tra hiện trạng theo bản đồ năm 1985, kết luận gia đình ông không lấn chiếm ngõ đi của gia đình bà Vui và gia đình ông dư thừa 150m² đất. Không đồng ý với kết luận của UBND xã T V ông đã khiếu nại lên UBND M L. UBND M L giải quyết và ban hành kết luận số 63 ngày 17/8/2005 kết luận gia đình ông không lấn chiếm lối đi của gia đình bà Vui và kết luận kiểm tra hiện trạng đất của gia đình ông và bản đồ nếu quá diện tích chuyển nhượng của ông Thiện và bà Hoạt thì xử lý theo quy định. Năm 2012, bà Vui tiếp tục tố cáo gia đình ông lấn chiếm đất của tập thể. UBND xã T V tiếp tục giải quyết và kiểm tra hiện trạng đất của gia đình ông đang sử dụng thực tế so với bản đồ năm 1985 và ban hành kết luận số 61 ngày 19/7/2012, kết luận gia đình ông tăng 150m² đất so với bản đồ năm 1985. Không đồng ý kết luận số 61 ngày 19/7/2012, ông khiếu nại và đề nghị căn cứ bản đồ năm 1958 để giải quyết nhưng không được chấp nhận và UBND xã T V có ban hành quyết định số 39 ngày 18/7/2013. Ông tiếp tục khiếu nại thì UBND xã T V tiếp tục ban hành quyết định số 05 ngày 17/1/2014 giữ nguyên kết luận số 61 ngày 19/7/2012 và thay thế quyết định số 39 ngày 18/7/2013, kết luận gia đình ông lấn chiếm 150m² đất của tập thể. Không đồng ý với Quyết định 05 ngày 17/1/2014 ông có khiếu nại đến UBND M L. UBND M L giải quyết khiếu nại và ban hành quyết định số 2652 ngày 09/5/2014 giữ nguyên quyết định số 05 ngày 17/1/2014 của UBND xã T V. Gia đình ông không lấn chiếm đất của tập thể, việc UBND xã T V ban hành quyết định 05 ngày 17/1/2014 và UBND M L ban hành quyết định số 2652 ngày 09/5/2014 là không đúng. Đề nghị tòa án hủy hai quyết định trên.

Đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND M L trình bày:

Ngày 22/1/2014, ông Võ V L có đơn khiếu nại quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 17/1/2014 của UBND xã T V về giải quyết nội dung khiếu nại kết luận giải quyết đơn công dân tố cáo ông Võ V L lấn đất tập thể. Ngày 15/4/2015, Thanh tra M L có báo cáo số 36/BC-TTr về kết quả xác minh nội dung đơn khiếu nại của ông Võ V L đã làm rõ nguồn gốc của ông Võ V L cụ thể: Nguồn gốc thửa đất của gia đình ông Võ V L tại thôn Đông Cao, xã T V có nguồn gốc là của ông Đỗ Văn Thiện và bà Lương Thị Hoạt (năm 1966 ông L mua của ông Đỗ Văn Thiện 3 sào =

1.080m², năm 1997 mua tiếp thửa ao liền kề của bà Lương Thị Hoat diện tích 180m²). Cả hai lần mua chỉ có giấy viết tay. Tại bản đồ năm 1985 và sổ mục kê kèm theo hai thửa đất số 48, tờ bản đồ số 3, diện tích 705m² và thửa số 47, tờ bản đồ số 3, diện tích 295m² đều thể hiện chủ sử dụng là ông Võ V L. Tổng diện tích hai thửa là 1.000 m². Tại bản đồ năm 2005 và sổ mục kê kèm theo, thửa đất số 06, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.136,7m², chủ sử dụng là ông Võ V L. Ngày 28/8/2012, Phòng Tài nguyên và Môi trường có Báo cáo số 143/BC-TNMT về việc đo đạc xác định diện tích đất ở của các hộ giáp ranh với hộ bà Đặng Thị Vui tại thôn Đông Cao, xã T V thể hiện diện tích hiện trạng thửa đất ông L sử dụng là 1.156,6m². Phần diện tích tăng thêm ông Võ V L không cung cấp được tài liệu nào chứng minh. Việc UBND huyện ban hành Quyết định số 2652/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Võ V L là đúng. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định.

Dại diện theo uỷ quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND xã T V trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất của ông Võ V L, theo ông L cung cấp là mua của ông Đỗ Văn Thiện và bà Lương Thị Hoat, ông L cung cấp văn bản bán nhà và vườn ao ngày 07/10/1966 nhận chuyển nhượng của ông Đỗ Văn Thiện diện tích 3 sào (1.080m²); giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ao ngày 15/8/1997 ông Võ V N (con ông L) nhận chuyển nhượng của bà Lương Thị Hoat diện tích 180m² đất ao. Hồ sơ địa chính do UBND xã T V quản lý thể hiện: Theo bản đồ 299 năm 1985 hộ ông Võ V L đang sử dụng gồm thửa đất số 48, diện tích 705,0 m² và thửa đất số 47 diện tích 295,0 m² đất ao từ bản đồ số 3. Tổng diện tích 02 thửa là 1000 m². Theo bản đồ 2005 hộ ông L sử dụng thửa đất số 06, tờ bản đồ số 16, diện tích 1136,7 m². Sổ mục kê, chủ sử dụng đất mang tên hộ ông Võ V L. Đối với nghĩa vụ tài chính, ông L nộp thuế theo bản đồ 299 các thửa số 48, diện tích 705 m², thửa đất số 47, diện tích 295 m² đất ao. Tổng diện tích 02 thửa là 1 000m² đất.

Ngày 15/8/2012, bà Đặng Thị Vui có đơn tố cáo ông Võ V L lấn chiếm đất nương (đất công) của tập thể. Ngày 20/8/2012 Chủ tịch UBND xã T V ban hành quyết định số 58/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung đơn tố cáo của bà Đặng Thị Vui.

Ngày 11/9/2012, Tổ công tác của UBND xã T V đã tiến hành lập biên bản kiểm tra hiện trạng đất của hộ gia đình ông L thể hiện hộ ông L sử dụng diện tích 1.150,2m² với tứ cạnh gồm: Phía Đông giáp ngõ hộ ông Mùa dài 35,7m + 1,1m; Phía Tây giáp ông Đỗ Văn Tuấn dài 37,0m; Phía Nam giáp bà Đan và bà Vui dài 29,05m + 0,9m; Phía Bắc giáp đường dài 31,54m.

Ông L không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh diện tích đất tăng 150 m² là của gia đình. Trên phần đất 150 m² hộ ông L xây dựng 01 đoạn tường bao phía Đông giáp đường đi vào hộ ông Mùa dài 36,8m cao khoảng 1,6m và một phần công trình phụ chăn nuôi. Ngoài phần xây dựng, hộ ông L trồng một số cây ăn quả khác. Con đường đi chung của các hộ ông Mùa, bà Vui, ông Mùa, ông Thơm

(sau này ông Thơm bán cho bà Đán) đều là người trong cùng gia tộc đi từ đường trục lớn của thôn vào đất ở của các hộ đã hình thành từ những năm 1980 trở về trước. Do vậy, việc thừa đất của hộ ông L do ông đã lấn rãnh nước của tập thể không phải là đường giao thông của thôn xóm. Ngày 17/9/2012, UBND xã T V ban hành Kết luận số 61/KL-UBND về việc kiểm tra, xác minh nội dung đơn tố cáo của bà Đặng Thị Vui trú tại thôn Đông Cao, xã T V xác định: “Hiện trạng sử dụng đất của hộ ông Võ V L tăng 150,2m² so với bản đồ 299 đo đạc năm 1985. Đối với nội dung bà Vui tố cáo hộ ông L lấn đất của tập thể là có cơ sở vì hiện trạng sử dụng đất của hộ ông L tăng 150,2m² so với bản đồ 299 đo đạc năm 1985”. Ngày 8/12/2013, UBND xã T V ban hành Quyết định số 59/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn tố cáo của bà Đặng Thị Vui.

Ngày 01/7/2013, ông Võ V L có đơn khiếu nại kết luận số 61/KL-UBND ngày 17/9/2012 và Quyết định số 59/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND xã T V. Ngày 18/7/2013, UBND xã T V ban hành quyết định số 39/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ V L. Ngày 17/1/2014, UBND xã T V ban hành quyết định số 05/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Võ V L, quyết định này thay thế quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 18/7/2013. Căn cứ hồ sơ địa chính các thời kỳ hộ ông Võ V L hiện có hành vi lấn chiếm đất của tập thể là đúng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ V T, ông Võ V N thống nhất trình bày:

Nguồn gốc đất của gia đình hiện nay do ông Võ V L mua của ông Đỗ Văn Thiện năm 1966, diện tích 03 sào trong đó 2,5 sào là vườn và 1/2 sào là ao. Năm 1997 mua tiếp của bà Lương Thị Hoạt nửa sào ao liền kề với ao của gia đình về phía Đông bắc giáp ngõ đi chung của 4 hộ. Gia đình không lấn đất của tập thể đề nghị hủy quyết định số 05 ngày 17/1/2014 của UBND xã T V và hủy quyết định số 2652 ngày 09/5/2014 của UBND M L.

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện phát biểu quan điểm:

UBND xã T V ban hành quyết định số 05 ngày 17/1/2014 và UBND M L ban hành quyết định số 2652 ngày 09/5/2014 về việc giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Tuy nhiên quá trình giải quyết căn cứ về mặt số học đo diện tích đất hiện trạng hộ gia đình ông L đang sử dụng trừ đi diện tích đất có trong bản đồ 299 là không chính xác vì số liệu trong bản đồ 299, bản đồ 2005 và hiện trạng đất có khác nhau, trong sổ bộ thuế năm 2003 thì diện tích đất của hộ gia đình ông L là 1.170m² đất vườn, 150m² đất ở, thời điểm đo bản đồ 299 cũng chưa chính xác. Xác định gia đình ông L lấn chiếm đất nhưng không nêu cụ thể lấn chiếm của ai, đơn vị, tổ chức nào, chỉ nêu lấn đất của tập thể là không đúng. Xác định gia đình ông L lấn chiếm cũng không nêu rõ thời điểm lấn chiếm là khi nào. Quyết định giải quyết khiếu nại căn cứ vào Luật đất đai 2003, Nghị định 181 của Chính phủ để giải quyết nhưng không nêu rõ áp dụng cụ

thể điều luật nào của Nghị định, điều luật nào của Luật đất đai là không đúng. Đề nghị hủy 02 quyết định số 05 ngày 17/1/2014 của UBND xã T V và quyết định số 2652 ngày 09/5/2014 của UBND M L để giải quyết lại.

Người làm chứng bà Đặng Thị Vui trình bày: Năm 1976, bà Vui làm đơn xin Hợp tác xã Đông Cao con mương giáp bụi tre nhà ông L (bà Vui thừa nhận bụi tre mọc dọc theo ao là của nhà ông L). Năm 1987, Hợp tác xã Đông Cao tiến hành cắm đất chạy lở có để lại con mương trên để làm lối đi cho các hộ dân nằm ở phía bên trong. Tại thời điểm đó, bà Vui lấp một lối đi dài 2m. Từ năm 1987 đến năm 1998, bà Vui tiến hành lấp 16m chiều dài mương để làm lối đi. Quá trình lấp mương đồng thời với quá trình gia đình ông L mua $\frac{1}{2}$ ao của nhà bà Hoạt và lấp ao vừa mua. Bà Vui khẳng định bà là người đã lấp $\frac{1}{2}$ con mương có chiều dài 18 m, chiều rộng 5,5 m. Đối với 18m chiều dài con mương mương còn lại là do ông L tiến hành lấp cùng với thời điểm lấp $\frac{1}{2}$ ao của gia đình ông. Thời điểm ông L lấp ao, lấp mương bà Vui không nhớ. Năm 1992, ông L xây tường bao đã lấn ra phía ngoài đất mương đã lấp (lấn $\frac{1}{2}$ mương tức là đường ngõ). Về chứng cứ liên quan đến lối đi chung có chiều dài 36m, rộng 5,5m, bà Vui không có chứng cứ mà chỉ dựa vào bản đồ năm 299.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 27/3/2018, Tòa án nhân dân M L đã áp dụng Điều 28, Điều 29, Điều 104 Luật tổ tụng hành chính năm 2010; khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật tổ tụng hành chính năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quyết định:

Bác đơn yêu cầu khởi kiện của ông Võ V L về việc đề nghị hủy Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 17/1/2014 của Chủ tịch UBND xã T V, M L và Quyết định số 2652/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 của Chủ tịch UBND M L, thành phố Hà Nội. Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/4/2019, ông Võ V L có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không rút đơn kháng cáo. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện thống nhất quan điểm với người khởi kiện. Người bị kiện, đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã T V, UBND M L có đơn xin xử vắng mặt.

Các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án, đồng thời giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán và HĐXX tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đương sự đã thực hiện tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Ông Võ V L làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp dự phí kháng cáo hợp lệ.

Về nội dung: Đơn khởi kiện của người khởi kiện còn trong thời hiệu khởi kiện. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã có vi phạm không tiến hành lấy lời khai của bà Đặng Thị Vui, không tiến hành xem xét thẩm định thửa đất nhà ông L. Tuy nhiên, Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục đầy đủ vi phạm trên. Xét yêu cầu kháng cáo, Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 17/1/2014 của Chủ tịch UBND xã T V, M L và Quyết định số 2652/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 của Chủ tịch UBND M L, thành phố Hà Nội được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục. Về căn cứ ban hành 02 quyết định, Kết luận số 61 ngày 19/7/2012, UBND xã T V kết luận gia đình ông L tăng 150m² đất so với bản đồ năm 1985 là lấn chiếm đất tập thể. Trên thực tế, gia đình ông L quản lý đất sử dụng ổn định từ năm 1966. Bà Vui làm đơn tố cáo ông L lấn đất nương chính là lối đi chung vào hộ gia đình ông Mùa, bà Vui. Ông L và bà Vui đều thống nhất lời khai dọc theo bờ ao và lối đi chung có bờ tre. Bản đồ 299 đo thửa số 47 là ao của ông L không thể hiện diện tích có bụi tre. Bụi tre chạy dọc theo ao được các bên thừa nhận thuộc về gia đình ông L. Như vậy diện tích 150 m² đất được xác định là bụi tre chạy dọc theo thửa ao số 47 tờ số 3 bản đồ 299 không phải là đất nương. Do đó, căn cứ để kết luận ông L lấn chiếm đất công 150 m² là không có. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ V L, sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 17/1/2014 của Chủ tịch UBND xã T V, M L, thành phố Hà Nội và Quyết định số 2652/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 của Chủ tịch UBND M L, thành phố Hà Nội.

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 11/7/2014, ông Võ V L làm đơn khởi kiện khiếu kiện đối với Quyết định số 2652/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 của Chủ tịch UBND M L giải quyết khiếu nại lần 2, Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 17/1/2014 của Chủ tịch UBND xã T V giải quyết khiếu nại lần 1. Yêu cầu khởi kiện của ông Võ V L còn trong thời hiệu và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ Điều 28, Điều 29 Luật tố tụng hành chính năm 2010; khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án nhân dân M

L thụ lý vụ và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Ngày 27/3/2019, Tòa án nhân dân M L xét xử sơ thẩm và tuyên án. Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 04/4/2019, ông Võ V L đã nộp đơn kháng cáo là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính và đã nộp tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Võ V L:

[2.1] Xét Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 17/1/2014 của Chủ tịch UBND xã T V giải quyết khiếu nại của ông Võ V L:

Xét về thẩm quyền, Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 số 05/QĐ-UBND ngày 17/1/2014 của Chủ tịch UBND xã T V được ký và ban hành hành đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 17 Luật khiếu nại.

Xét về trình tự ban hành, Hội đồng xét xử nhận thấy, ngày 15/8/2012, bà Đặng Thị Vui có đơn tố cáo gia đình ông L lấn chiếm đất nương của tập thể. Ngày 20/8/2012, Chủ tịch UBND xã T V ban hành quyết định 58/QĐ-UBND thành lập tổ công tác xác minh đơn tố cáo của bà Đặng Thị Vui. Ngày 11/9/2012, tổ công tác của UBND xã T V đã tiến hành lập biên bản kiểm tra hiện trạng đất của hộ gia đình ông L. Ngày 17/9/2012, UBND xã T V ban hành Kết luận số 61/KL-UBND về việc kiểm tra, xác minh nội dung đơn tố cáo của bà Đặng Thị Vui trú tại thôn Đông Cao, xã T V. Ngày 8/12/2013, UBND xã T V ban hành Quyết định số 59/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn tố cáo của bà Đặng Thị Vui. Không đồng ý với kết luận số 61, quyết định số 59, ông Võ V L làm đơn khiếu nại. Sau khi nhận đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND xã T V đã tiến hành xác minh, đối thoại. Căn cứ vào kết quả xác minh, đối thoại Chủ tịch UBND xã T V ban hành Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 17/1/2014 về việc giải quyết đơn khiếu nại là đúng trình tự, thủ tục. Về hình thức, Quyết định được lập thành văn bản theo đúng quy định.

Xét căn cứ ban hành quyết định, Hội đồng xét xử nhận thấy, gia đình ông L sử dụng đất có nguồn gốc từ các giao dịch dân sự gồm: Văn tự bán nhà và vườn ao ngày 27/10/1966 nhận chuyển nhượng của ông Đỗ Văn Thiện diện tích 03 sào (1080 m²); Giấy chuyển nhượng đất thổ cư ngày 15/1/1997 ông L nhận chuyển nhượng của bà Lương Thị Hoạt và anh Đỗ Văn Tuấn (con bà Hoạt), diện tích 180m²; Giấy chuyển quyền sử dụng ao ngày 15/8/1997 anh Võ V N nhận chuyển nhượng của bà Lương Thị Hoạt 180m² đất ao (02 giấy chuyển nhượng của bà Hoạt). Tuy nhiên giấy tờ do ông L xuất trình việc mua bán chuyển nhượng đất với ông Đỗ Văn Thiện và bà Lương Thị Hoạt đều không có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan có thẩm quyền. Hộ gia đình ông L quản lý và sử dụng đất ổn định từ năm 1966 - 1985. Về diện tích đất, tại bản đồ năm 1985 và sổ mục kê kèm theo hai thửa đất số 48, tờ bản đồ số 3, diện tích 705m² và thửa số 47, tờ bản đồ số 3, diện tích 295m² đều thể hiện chủ sử dụng là ông Võ V L. Tổng diện tích

hai thửa là 1.000 m². Tại bản đồ năm 2005 và sổ mục kê kèm theo, thửa đất số 06, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.136,7m², chủ sử dụng là ông Võ V L. Kết luận số 61 ngày 19/7/2012, UBND xã T V kết luận gia đình ông L tăng 150m² đất so với bản đồ năm 1985 là lấn chiếm đất tập thể. Phần đất tăng 150m² được xác định trên thực địa nằm ở phía Đông của mảnh đất nhà ông L giáp với 01 đoạn tường bao phía bên ngoài đường đi vào hộ ông Mùa, hộ bà Vui và thể hiện trên bản đồ 259 là phần đất 01 cạnh nằm dọc theo thửa đất ao số 47 và 01 cạnh giáp lối đi chung.

Theo lời khai của ông L và lời khai của ông Đỗ Văn Tuấn (con trai bà Hoạt) có thừa nhận hai bên có mua bán 01 sào ao gồm diện tích mặt nước và một bờ tre từ trên xuống dưới giáp với ngõ xóm có chiều rộng từ 2,5m – 3m. Bà Vui có lời khai thừa nhận ao nhà ông L có bờ tre chạy dọc theo lối đi chung thuộc về gia đình ông L. Đối với ngõ đi chung vào các hộ ông Mùi, ông Mùa, ông Thom (sau này ông Thom bán cho bà Đán) và nhà bà Vui, về nguồn gốc, bà Vui và ông L đều thống nhất khai ngõ đi chung được hình thành từ con mương do HTX Đông Cao cắt lại từ những năm 1983. Bà Vui khai ngõ đi chung có chiều dài chạy dọc theo thửa đất ao nhà ông L dài khoảng 36m, chiều rộng về phía gia đình nhà bà rộng 5.5m. Lời khai của bà Vui phù hợp với bản đồ địa chính 299 năm 1985 thể hiện giữa thửa đất 47 ao nhà ông L với thửa đất số 46 có hình thành khoảng trống là ngõ đi chung đi vào thửa đất số 75 nhà ông Mùa, thửa đất số 76 nhà bà Vui. Tuy nhiên bản đồ 299 năm 1985 không thể hiện kích thước của ngõ đi chung. Bà Vui tố cáo gia đình ông L lấn chiếm đất mương của tập thể chính là ngõ đi chung nêu trên. Quá trình giải quyết tố cáo của bà Vui, UBND xã T V đã không tổ chức đối thoại giữa các hộ dân có liên quan để xác định vị trí, giới hạn chiều dài, chiều rộng của lối đi do các bên thỏa thuận, bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại theo quy định của Điều 254 Bộ luật dân sự. Trong trường hợp các hộ dân không thỏa thuận được, căn cứ Điều 202 Luật đất đai 2013, Chủ tịch UBND xã T V có thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo đơn của bà Vui để xác định rõ giới hạn chiều dài, chiều rộng của lối đi giữa 02 thửa đất số 47 và 46 tờ số 3 bản đồ 299 năm 1985. Về phần diện tích đất còn lại trong tổng diện tích 150 m² sau khi trừ đi số diện tích đất được các bên có liên quan xác định là ngõ đi chung, Hội đồng xét xử nhận thấy số đất trên là diện tích đất trồng tre chạy dọc theo bờ ao thuộc thửa số 47 được gia đình ông L sử dụng ổn định từ trước ngày 15/10/1993. Căn cứ vào khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003, khoản 1 Điều 11 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ thì phần đất của hộ gia đình ông L đang sử dụng không có tranh chấp với các hộ gia đình xung quanh đủ điều kiện để được xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, tài liệu hồ sơ không có căn cứ để xác định hộ gia đình Võ V L lấn đất của tập thể 150m². Do đó, Kết luận số 61/KL-UBND ngày 17/9/2012 của UBND xã T V xác định hộ ông L lấn 150m² đất của tập thể là không có cơ sở, không đúng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông L.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 17/1/2014 của Chủ tịch UBND xã T V giải quyết khiếu nại của ông Võ V L

ban hành không có căn cứ, không đúng quy định của Luật đất đai năm 2003, Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ vi phạm Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011.

[2.2] Xét Quyết định số 2652/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 của Chủ tịch UBND M L giải quyết khiếu nại của ông Võ V L:

Xét về thẩm quyền, Quyết định số 2652/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 của Chủ tịch UBND M L được ký và ban hành hành đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 17 Luật khiếu nại.

Xét về trình tự ban hành, Hội đồng xét xử nhận thấy, ông L sau khi nhận Quyết định giải quyết khiếu nại lần 01 đã có đơn khiếu nại lên Chủ tịch UBND M L. Sau khi nhận đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND M L đã tiến hành xác minh, đối thoại. Căn cứ vào kết quả xác minh, đối thoại Chủ tịch UBND M L ban hành Quyết định số 2652/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 về việc giải quyết đơn khiếu nại là đúng trình tự, thủ tục. Về hình thức, Quyết định được lập thành văn bản theo đúng quy định.

Xét căn cứ ban hành quyết định, Hội đồng xét xử nhận thấy Quyết định số 2652/QĐ-UBND đồng ý với nội dung của Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 17/1/2014 của Chủ tịch UBND xã T V. Như phân trên đã phân tích, Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 17/1/2014 của Chủ tịch UBND xã T V là quyết định giải quyết khiếu nại lần một ban hành không có căn cứ, không đúng quy định của Luật đất đai năm 2003, Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ vi phạm Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011. Do đó, quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 cũng không đúng quy định và không có căn cứ pháp luật.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Quyết định số 2652/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 của Chủ tịch UBND M L giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn có nội dung không đúng với quy định của Luật đất đai năm 2003, Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ vi phạm Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của ông Võ V L: Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 17/1/2014 của Chủ tịch UBND xã T V giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 2652/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 của Chủ tịch UBND M L giải quyết khiếu nại lần hai được ban hành không có căn cứ theo quy định của Luật đất đai 2003, Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ. Vì vậy, xét thấy cần chấp nhận kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy 02 quyết định gồm: Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 17/1/2014 của Chủ tịch UBND xã T V giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 2652/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 của Chủ tịch UBND M L giải quyết khiếu nại lần hai.

[3] Về án phí: Ông Võ V L sinh năm 1936, hiện đã 83 tuổi. Theo Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009 quy định: “*Công dân Việt Nam từ 60 tuổi trở lên*”, ông L xác định là người cao tuổi. Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, người cao tuổi cũng là một trong các đối tượng được miễn nộp án phí Tòa án. Do đó, ông L không phải nộp tiền án phí hành chính sơ thẩm. Về án phí phúc thẩm, yêu cầu khởi kiện của ông L được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 241 Bộ luật Tố tụng hành chính;

Chấp nhận kháng cáo của ông Võ V L. Sửa bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 27/3/2019 của Tòa án nhân dân M L. Cụ thể:

Căn cứ vào: Điều 31, Điều 193, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 349 Luật tố tụng hành chính;

Luật đất đai năm 2003;

Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ;

Điều 17, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31; Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ V L. Hủy Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 17/1/2014 của Chủ tịch UBND xã T V, M L, thành phố Hà Nội giải quyết khiếu nại lần 1 và Quyết định số 2652/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 của Chủ tịch UBND M L, thành phố Hà Nội giải quyết khiếu nại lần 2.

2. Về án phí: Ông Võ V L không phải chịu án phí. Hoàn trả ông Võ V L số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003677 ngày 20/1/2015 và số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0016960 ngày 05/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự M L, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

1. Các đương sự;
2. VKSND TP Hà Nội;
3. TAND M L;
4. VKSND M L;
5. Chi cục THA M L;
6. Lưu hồ sơ, VP.

Trần Thị Thanh Thảo